

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2018
V/v tranh chấp “hôn nhân và gia
đình về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyền.
2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 693/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ 11, ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Tổ 11, ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 8 năm 2018 và qua các lần làm việc, nguyên đơn Lê Văn B trình bày: Anh và chị L chung sống với nhau vào năm 1995, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2005 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm xa, ít về nhà nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ anh tự ý về nhà cha mẹ vợ sống nên vợ chồng ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày: 14-02-1996 và Lê Quốc Th, sinh ngày: 15-3-2001, hiện cháu T đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Th đang sống chung với chị L, anh đồng ý giao cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-9-2018, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày :

Về hôn nhân: Chị và anh B chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2005, thì phát sinh mâu thuẫn nên anh chị ly thân đến nay. Anh B yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị T, sinh ngày: 14-02-1996 và Lê Quốc Th, sinh ngày: 15-3-2001, hiện cháu T đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Th đang sống chung với chị, nên chị yêu cầu tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh B và bị đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Hồng L là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Th cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được, anh B chị L không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Văn B và Nguyễn Thị Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh B và chị L chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện nhưng anh chị không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh B có yêu cầu ly hôn mặc dù chị L có đồng ý ly hôn, Tòa án cũng không xem xét mâu thuẫn của anh chị để cho hay không cho anh chị ly hôn, mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa anh B và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Qua làm việc cháu Th có nguyện vọng sống với chị L, anh B chị L thống nhất giao cháu Th cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9, Điều 14, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Lê Văn B và chị Nguyễn Thị Hồng L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quốc Th cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Riêng cháu Lê Thị T, sinh ngày: 14-02-1996 đã thành niên và có khả năng lao động sinh sống được anh chị không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008184 ngày 27-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Anh B chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

